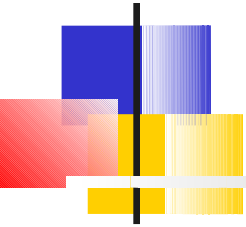


Chương 2

Các đối tượng trong ASP.Net





Mục tiêu

- *Giải thích căn bản về ASP.NET*
- *Luồng xử lý một trang aspx*
- *Sự kiện Page_Load*
- *Thuộc tính `IsPostBack` của đối tượng Page*
- *Sử dụng đối tượng `Request` và `Response`*

Trang ASP.NET

```
aspexample.aspx - Notepad
File Edit Format View Help
<% @Page Language = "C#" Debug = "true" %>
<html>
<SCRIPT Language = "C#" runat="server">
void Page_Load(Object sender, EventArgs e)
{
    lblMessage.Text = "Click on the HTML Control";
}
void Htmlbtnc1k(Object sender, EventArgs e)
{
    lblMessage.Text="Click on the web control";
    btnwebControl.Visible = true;
    btnsubmit.Visible = false;
}
void webbtnc1k(Object sender, EventArgs e)
{
    btnwebControl.Visible = false;
    btnsubmit.Visible = true;
}
</script>
<body>
<form runat="server">
<input type="button" id="btnsubmit" onserverclick="Htmlbtnc1k"
runat="server" value="HTML control"/> <br><br>
<asp:button id="btnwebControl" visible="false" onclick="webbtnc1k"
text="web Control" runat="server"/><br><br>
<asp:label id="lblMessage" runat="server"/><br><br>
</form>
</body>
</html>
```

Chỉ dẫn Page

Phần <SCRIPT>

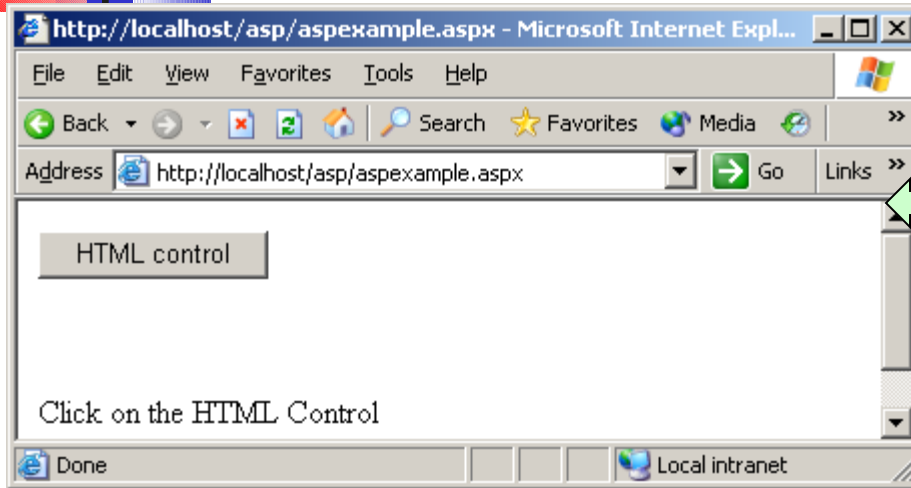
Sự kiện Page_Load

Event Handler

Điều khiển HTML

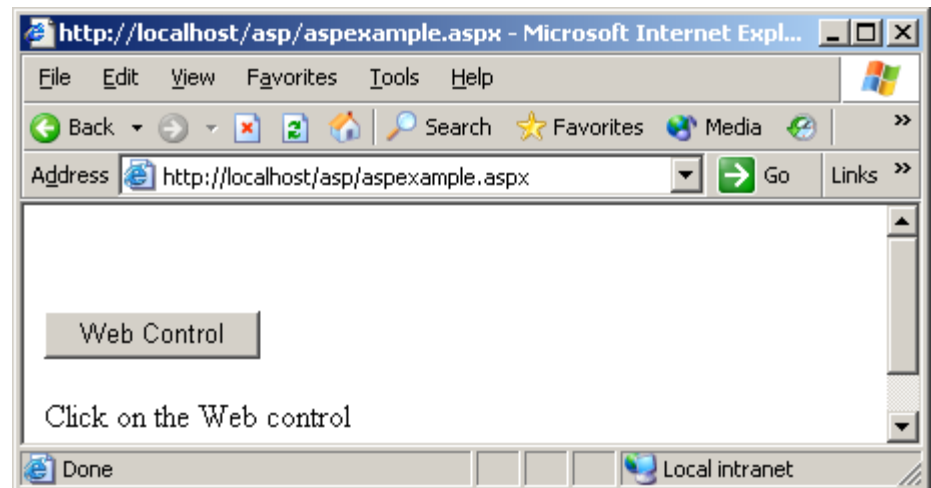
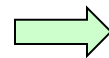
Điều khiển Web

Kết xuất của trang ASP.NET



**Kết xuất sau sự kiện
Page Load**

**Kết xuất sau sự kiện Click
trên Button**





Bắt đầu với ASP.NET

@ Page Directive

```
<%@ Page Language="C#" %>
```

<SCRIPT> Section

```
<script language = "C#" runat="server">
```

```
... Ma chương trình...
```

```
</script>
```



Giao diện người dùng

Điều khiển HTML

```
<input type="button" id="Submit"
runat="server" value="Click"/>
```

Điều khiển Web

```
<asp:button id="Submit"
onclick="click_button"
text="Click me" runat="server"/>
```



Event Handlers

.aspx page

LABEL

Click Me

```
void  
click_btn(Object sender,  
EventArgs e)  
{lbl.Text=  
"Hello  
World";}
```



.aspx page

Hello World

Click Me



Ví dụ Event Handlers

```
<% @ Page Language = "C#" Debug = "true"%>
<html>
    <script language = "C#" runat="server">
        void Page_Load(Object sender, EventArgs e)
        {
            //mã cho sự kiện Page Load
        }

        void buttonRefresh(Object sender, EventArgs e)
        {
            Page_Load(sender,e);
        }
    </script>
</html>
```




Ví dụ Event Handlers ...

```
</script>
<body>
  <form runat="server">
    <asp:button id="btnRefresh"
onclick="buttonRefresh" text="Refresh" runat="server"/>

    <br>
    <br>
  </form>
</body>
</html>
```

VIEWSTATE

Trước khi thay đổi

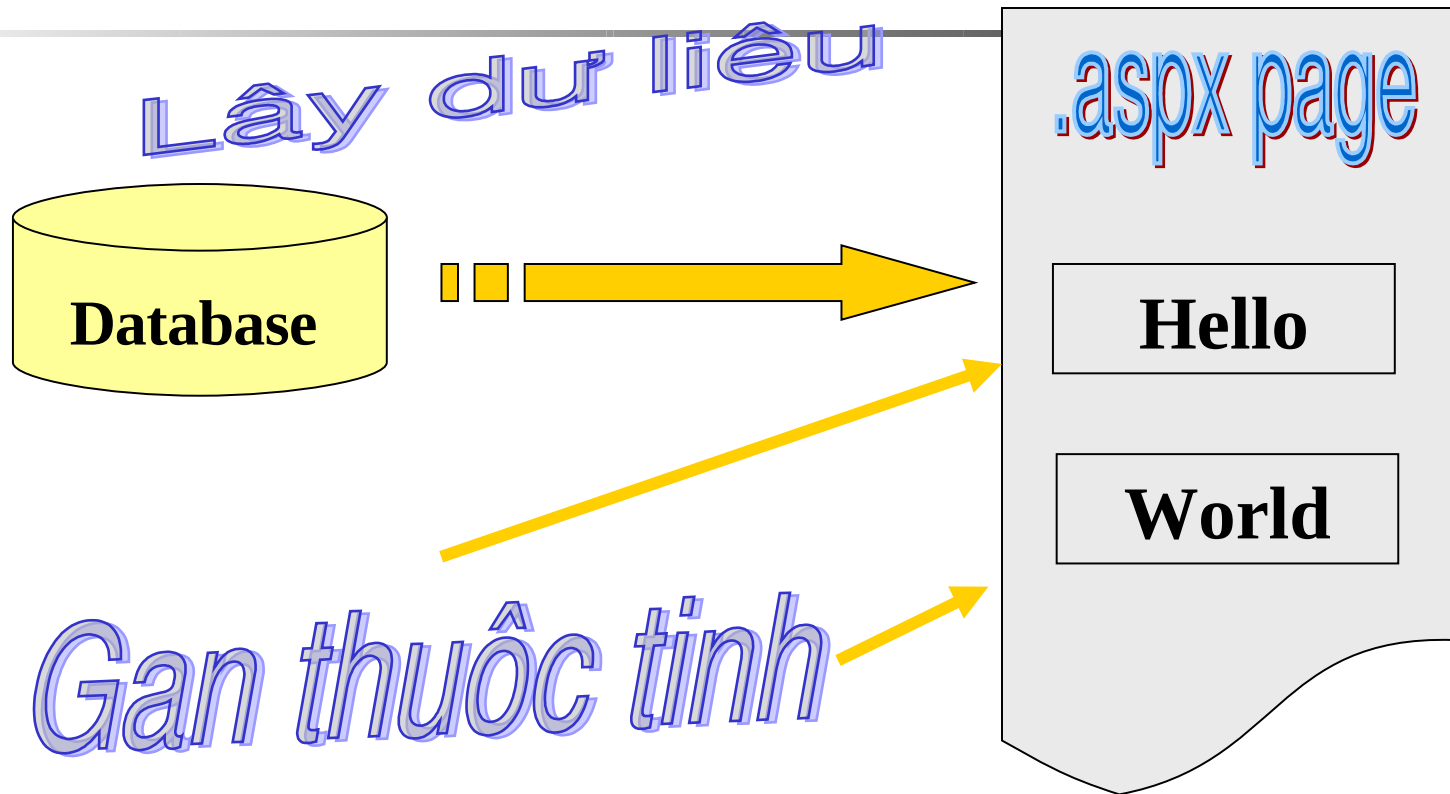
Tên	<input type="text" value="King"/>
E- mail	<input type="text" value="K@usa.net"/>
Mật khẩu	<input type="password" value="*****"/>
<input type="button" value="Submit"/>	

```
<input type="hidden" name="__VIEWSTATE" value="dDwtMTM3MDkyOTg0NjE0PDtsPGk8Mj47PjtsPHQ8O2w8aTwXPjtpPDMiO2k8NT47PjtsPHQ8cDxsPFZpc2libGU7PjtsPG88dD47Pj47Oz47dDxwPHA8bDxwaxNpYmx1Oz47bDxvPGY+Oz4+Oz47Oz47dDxwPHA8bDxUZxh0Oz47bDxDbGljayBvbiB0aGUGsFRNTCBDb250cm9sOz4+Oz47Oz47Pj47Pj47Pg==" />
```

Sau khi thay đổi

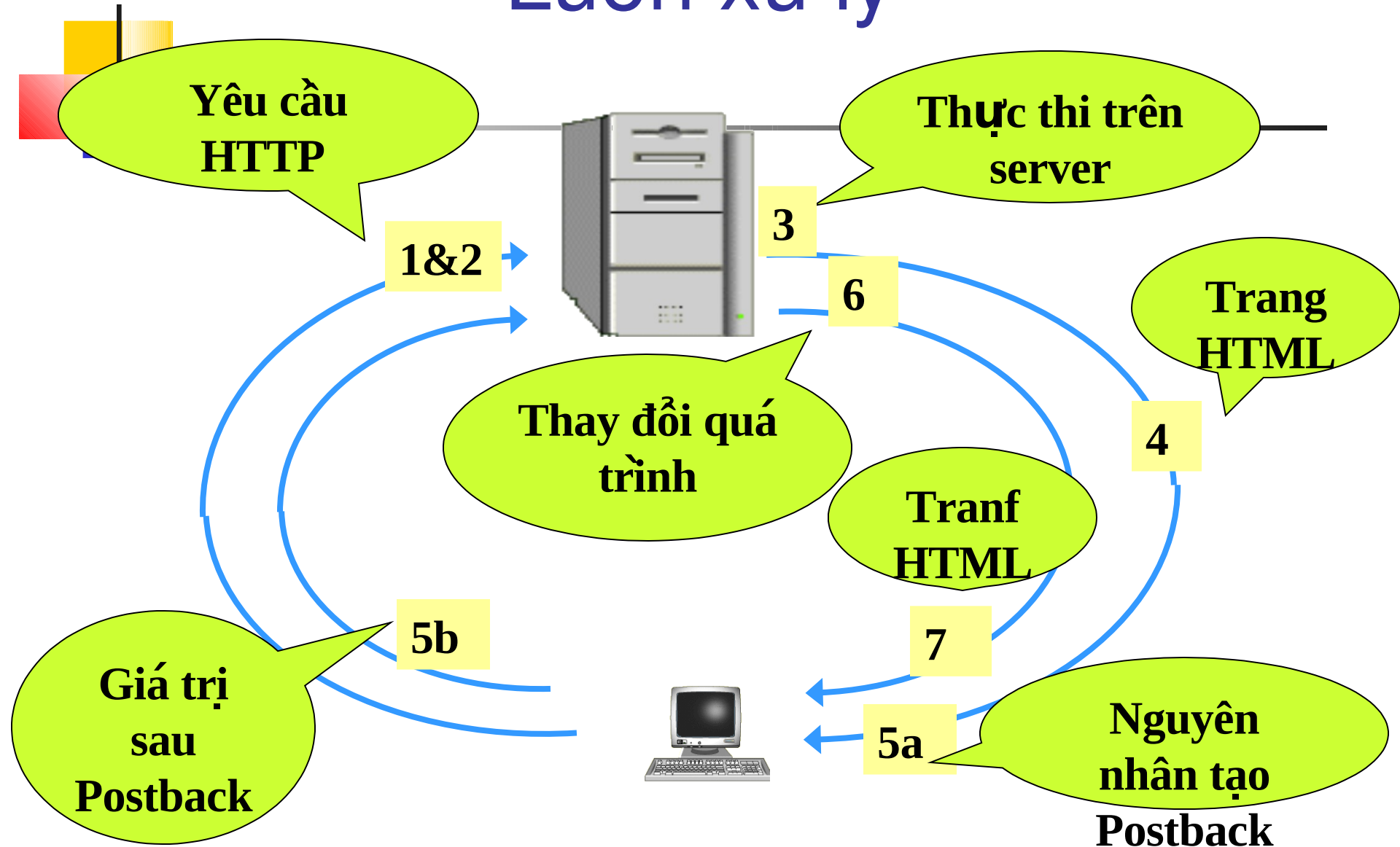
```
<input type="hidden" name="__VIEWSTATE" value="dDwtMTM3MDkyOTg0NjE0PDtsPGk8Mj47PjtsPHQ8O2w8aTwXPjtpPDM+O2k8NT47PjtsPHQ8cDxsPFZpc2libGU7PjtsPG88Zj47Pj47Oz47dDxwPHA8bDxwaxNpYmx1Oz47bDxvPHQ+Oz4+Oz47Oz47dDxwPHA8bDxUZxh0Oz47bDxDbGljayBvbiB0aGUGv2ViIENvbnRyb2w7Pj47Pjs7Pjs+Pjs+" />
```

Sự kiện Page_Load



`.IsPostBack`

Luồng xử lý



Các đối tượng ASP.NET

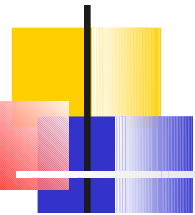
Đối tượng	Mô tả
Request	Đối tượng này thường được dùng để lấy thông tin gửi trong một yêu cầu từ trình duyệt đến server. Đối tượng này đọc và trích các tham số gửi qua yêu cầu HTTP khi nút submit được nhấn. Khi người dùng submit một form, dữ liệu chứa bên trong các điều khiển nhập liệu sẽ được chuyển đến Server.
Response	Đối tượng này dùng để gửi dữ liệu từ server về lại client.
Application	Dùng để chia sẻ thông tin mức ứng dụng. Nó quản lý tập các biến cho toàn bộ ứng dụng, chia sẻ giữa các người dùng trong ứng dụng.
Session	Đối tượng này thường dùng để lưu trữ thông tin cho người dùng cụ thể nào đó giữa các lần gọi trang
Server	Dùng để truy xuất các tài nguyên trên server. Ví dụ các thành phần được tạo và cài đặt trên server
ObjectContext	Đối tượng này dùng để kiểm soát xử lý giao dịch như MTS.

Các đối tượng ASP.NET



Object	Collections	Properties	Methods	Events
Response	Cookies	Buffer CacheControl Charset ContentType Expires ExpiresAbsolute IsClientConnected PICS Status	AddHeader AppendToLog BinaryWrite Clear End Flush Redirect Write	
Request	ClientCertificate Cookies Form QueryString ServerVariables	TotalBytes	BinaryRead	
Application	Contents StaticObjects		Lock Unlock	Application_OnEnd Application_OnStart

Các đối tượng ASP.NET...



Object	Collections	Properties	Methods	Events
Server		ScriptTimeout MachineName	CreateObject HTMLEncode MapPath URLEncode	
Session	Contents StaticObjects	CodePage LCID SessionID Timeout	Abandon	Session_OnEnd Session_OnStart
ObjectContext			SetAbort SetComplete	OnTransactionAbort OnTransactionCommit



Virtual Directories

- Ứng dụng ASP.Net là một tập các tập tin văn bản được lưu trữ trong thư mục và thư mục con của nó trên Web Server.
- Thư mục cơ sở được gọi là **virtual root**. Các tập tin Ứng dụng được lưu trữ trong thư mục gọi là **virtual directory**.
- Web Server quản lý các thiết lập, quyền và truy cập của người dùng.
- Thuận lợi của virtual directory là người dùng không cần biết đường dẫn chính xác của trang khi thực hiện yêu cầu.



Virtual Directory - Quyền

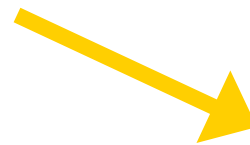
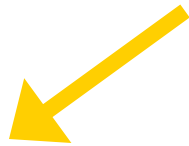
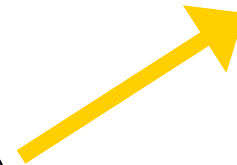
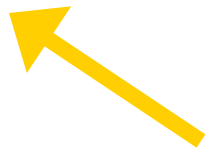
Read

Script

Permissions

Execute

Write





Tạo Virtual Directory

Tạo virtual directory :

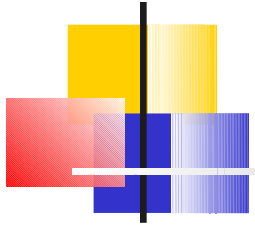
1. Mở **Internet Services Manager** MMC snap in.
2. Chọn **Server name**.
3. Nhấp phải **Default Web Site**, và chọn **New** → **Virtual Directory** từ thực đơn ngữ cảnh.
4. Chọn **Next** trên **Welcome to the Virtual Directory Creation Wizard**.



Tạo Virtual Directory...

5. Nhập tên trong **Virtual Directory Alias**.
Chọn **Next**.
6. Nhập đường dẫn vật lý cho ứng dụng (chứa tập tin của web site) trong **Web Site Content Directory**. Chọn **Next**.

Tạo Virtual Directory...



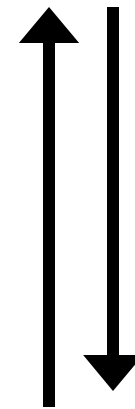
7. Gán quyền truy cập phù hợp sử dụng **Access Permissions**.
8. Chọn **Finish** để hoàn thành tạo virtual directory.

Giao thức HTTP

Trình duyệt và the Web server truyền thông với nhau sử dụng giao thức HTTP.

Lúc trình duyệt mở một trang từ một Website, trình duyệt thiết lập thiết lập một nối kết đến Web server và ban hành một yêu cầu.

Web Server xử lý yêu cầu và hồi báo bằng cách gửi trang yêu cầu. Thật vậy, thông tin giữa client và server tham gia một loạt các yêu cầu và hồi báo.



HTTP Response

Header

Message Body



Yêu cầu (Request) & hồi báo (Response)

- Một yêu cầu chứa thông tin về client và một số tham số.
- Tham số này chính là dữ liệu mà client truyền về server và được xử lý ở server.
- Hồi báo chứa các thông tin yêu cầu bởi trình duyệt khách.
- ASP.Net nhận dạng hồi báo và yêu cầu thông qua hai đối tượng dựng sẵn tương ứng với thông điệp yêu cầu và hồi báo của giao thức HTTP.
- Đối tượng Request tương ứng với thông điệp yêu cầu của giao thức HTTP và Response tương ứng với thông điệp hồi báo của giao thức HTTP.



Request & Response – Ví dụ

Input.htm

```
<HTML>
  <BODY>
    <P align=center><FONT color=red size=4> Input Page </FONT>
    </P>
    <FORM action="welcome.aspx" id= frmLogin method=post name=
LoginFORM>
      <P>&nbsp;</P>
      <P>
        <TABLE border=0 cellPadding =1 cellSpacing =1
style="HEIGHT: 75px; WIDTH: 346px" width="75%">
          <TR>
            <TD><STRONG>Enter your name</STRONG></TD>
            <TD><STRONG><INPUT id= txtName
name=name></STRONG></TD></TR>
```



Request & Response – Ví dụ

```
<TR>
  <TD><STRONG>Enter your country name</STRONG></TD>
  <TD><STRONG><INPUT id= txtCountry name=countryname>
</STRONG></TD>
</TR>
</TABLE>
</P>
<P><INPUT id= btnSubmit name=submit type=submit
value=Submit></P>
</FORM>
</BODY>
</HTML>
```

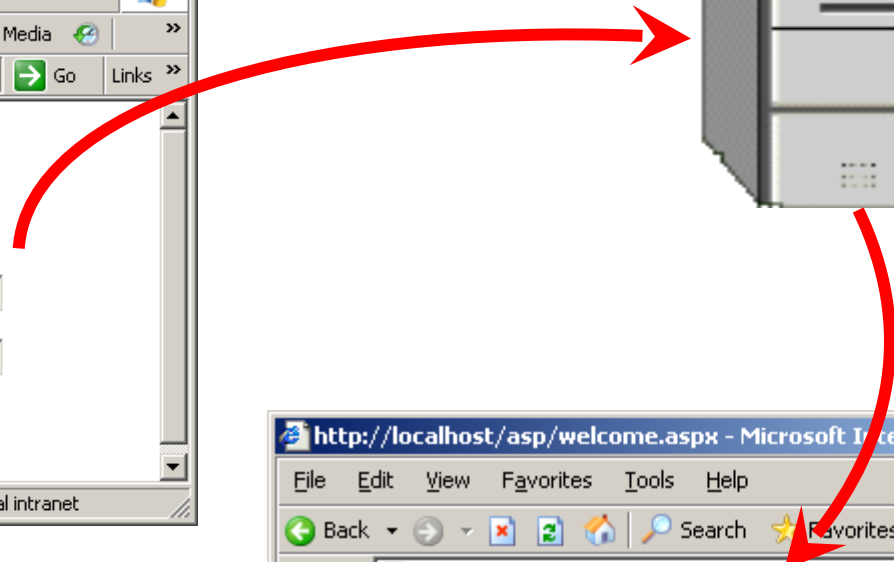
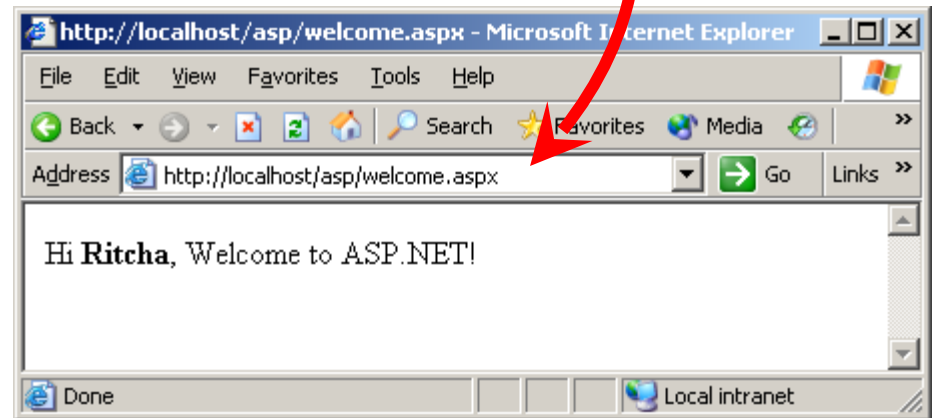
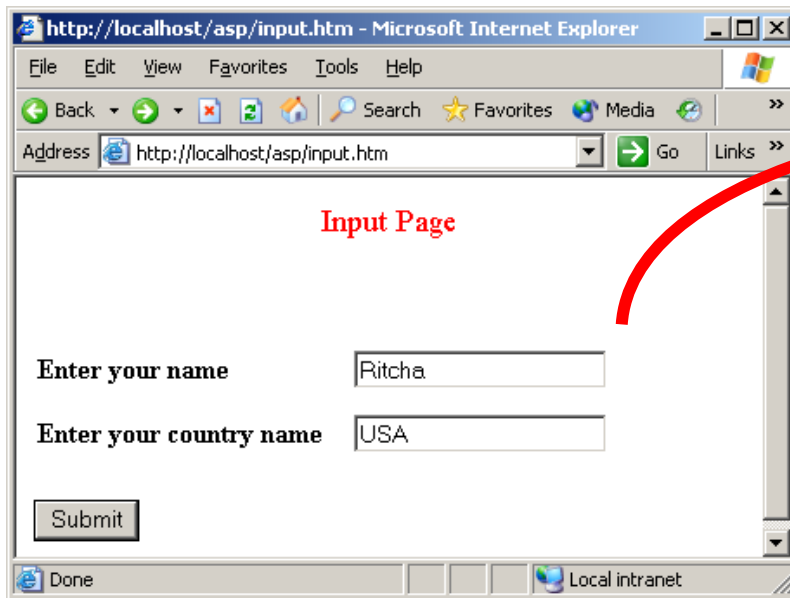



Request & Response – Ví dụ

Welcome.aspx

```
<%@ Page Language="C#"%>
<HTML>
  <script runat="server">
    void Page_Load( Object src,EventArgs e)
    {
      String s,s1;
      s= Request.Form.Get ("name");
      Response.Write ("Hi <b>" + s + "</b>, Welcome to ASP.NET!
<br>");
    }
  </script>
  <BODY>
  </BODY>
</HTML>
```

Request & Response





Tóm tắt

- Chỉ dẫn @ Page dùng để chỉ ra ngôn ngữ lập trình trong trang .aspx.
- Mục <script> là nơi xây dựng mã lệnh cho chương trình.
- Có hai kiểu server control:
 - HTML Controls
 - Web Controls
- Tất cả các sự kiện nhận hai tham số:
 - The event sender
 - The class instance that holds data for the event
- Điều khiển _VIEWSTATE là một điều khiển ẩn được thêm vào form lúc form được submit về server.
- Chúng ta có thể kiểm tra một trang .aspx được gọi ngược đến server sử dụng thuộc tính IsPostBack của trang.



Tóm tắt...

- ASP.NET xây dựng sẵn một số đối tượng cung cấp các chức năng cần thiết trong các Ứng dụng ASP.NET. Chúng bao gồm:
 - Request
 - Response
 - Application
 - Session
 - Server
 - ObjectContext
- Thư mục cơ sở được gọi là **virtual root**. Các tập tin Ứng dụng được lưu trữ trong thư mục gọi là **virtual directory**.
- Đối tượng Request tương ứng với thông điệp yêu cầu của giao thức HTTP và Response tương ứng với thông điệp hồi báo của giao thức HTTP.
- Phương thức `Form.Get` của đối tượng Request dùng để lấy dữ liệu gửi từ người dùng.
- Phương thức `Redirect` của đối tượng Response dùng để điều hướng người dùng đến một trang Web khác.